

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KON TUM
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST.

Ngày: 27/02/2023.

“*V/v Ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM, TỈNH KONTUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Kim Dung và bà Trần Thị Hoa Hồng.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Lan Vi – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 395/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết T, sinh năm 1991. “*Có mặt*”.

Địa chỉ: Số P, đường N, phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

- Bị đơn: Anh Vũ Xuân G, sinh năm 1988. “*Vắng mặt*”.

Địa chỉ: Đội M, thôn H, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa thì Nguyễn Thị Tuyết T trình bày:

Chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Vũ Xuân G kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/8/2016 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh, chị làm ăn thua lỗ nên kinh tế gia đình trở nên khó khăn, vợ chồng thường cãi vã xúc phạm nhau, đánh nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung. Sau khi kết hôn được hơn bảy tháng thì vợ, chồng không còn chung sống với nhau từ đó đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, kinh tế riêng việc ai nấy làm. Chị T xác định tình cảm vợ, chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Xuân G.

- Về con chung: không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.
- Về án phí dân sự sơ thẩm chị nhận chịu.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nam Định, anh Vũ Xuân G trình bày như sau:

Anh Vũ Xuân G và chị Nguyễn Thị Tuyết T có đăng ký kết hôn tại UBND phường N, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Việc đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, anh G chỉ nhớ đăng ký kết hôn vào khoảng tháng 8/2016 còn chính xác ngày nào anh không nhớ. Trong quá trình chung sống anh G và chị T xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, hay xảy ra cãi vã, va chạm dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc. Anh G và chị T đã sống ly thân nhau khoảng 5 năm nay không còn quan hệ tình cảm. Chị Nguyễn Thị Tuyết T yêu cầu ly hôn, anh G đồng ý.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện tốt các quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật; bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị T. Chị T được ly hôn với anh G. Vì hôn nhân đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Về con chung không có nên không giải quyết; Về tài sản, nợ chung không có; Án phí dân sự sơ thẩm chị T phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 HĐXX thấy rằng, các đương sự đã thỏa thuận với nhau yêu cầu Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết; bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên việc Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Tuyết T và anh Vũ Xuân G là hôn nhân hợp pháp. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, hai bên cùng xác định sau khi kết hôn anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, làm ăn thua lỗ nên thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến đời sống chung không hạnh phúc, không còn tiếng nói chung; vợ, chồng anh, chị đã không còn chung sống hơn 05 năm nay, mỗi người sống một nơi, không ai quan tâm đến ai, bỏ mặc nhau sống ra sao thì

sống. Chị T xin ly hôn với anh G, anh G đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy, Chị T và anh G đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Tuyết T. Chị T được ly hôn với anh G là có cơ sở và đúng với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Các đương sự đều khai không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết T nhận chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147; của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết T đơn đề ngày 20/10/2022.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết T được ly hôn anh Vũ Xuân G.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm (Án phí ly hôn sơ thẩm), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị T đã nộp theo biên lai số 0001116 ngày 08/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K, tỉnh Kon Tum. Chị T đã nộp đủ tiền án phí DSST.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 02 năm 2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND TP Kon Tum;
- UBND p.N, TP Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Vũ Thị Hồng Dung

